

PHỤ LỤC. DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT THỰC HIỆN
TẠI PHÒNG KHÁM NHA KHOA QUỐC TẾ THUỘC HỘ KINH DOANH NHA KHOA QUỐC TẾ
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng 2 năm 2026 của Sở Y tế)

| STT | Mã kỹ thuật theo thông tư 23/2024/TT-BYT | Tên chương | Tên kỹ thuật |
|-----|--|------------------|--|
| 1 | 16.37 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại |
| 2 | 16.38 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite |
| 3 | 16.39 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị áp xe quanh răng cấp |
| 4 | 16.40 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị áp xe quanh răng mạn |
| 5 | 16.41 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị viêm quanh răng |
| 6 | 16.42 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Trích áp xe lợi |
| 7 | 16.43 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Lấy cao răng |
| 8 | 16.50 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội |
| 9 | 16.51 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy |
| 10 | 16.52 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay cầm tay |
| 11 | 16.53 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay cầm tay |
| 12 | 16.56 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Chụp tủy bằng MTA |
| 13 | 16.57 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Chụp tủy bằng Hydroxit canxi |
| 14 | 16.58 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn |
| 15 | 16.59 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA |
| 16 | 16.60 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ) |
| 17 | 16.61 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị tủy lại |
| 18 | 16.65 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite có sử dụng laser |
| 19 | 16.66 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng laser |

| STT | Mã kỹ thuật theo thông tư 23/2024/TT-BYT | Tên chương | Tên kỹ thuật |
|-----|--|------------------|---|
| 20 | 16.67 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite |
| 21 | 16.68 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite |
| 22 | 16.70 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement |
| 23 | 16.71 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement |
| 24 | 16.72 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Phục hồi cổ răng bằng Composite |
| 25 | 16.76 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay |
| 26 | 16.77 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau |
| 27 | 16.78 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Veneer Composite trực tiếp |
| 28 | 16.79 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Tẩy trắng răng tùy sòng có sử dụng đèn Plasma |
| 29 | 16.81 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Tẩy trắng răng nội tủy |
| 30 | 16.82 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Tẩy trắng răng tùy sòng bằng máng thuốc |
| 31 | 16.83 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt |
| 32 | 16.84 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại) |
| 33 | 16.104 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Chụp nhựa |
| 34 | 16.105 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Chụp kim loại |
| 35 | 16.106 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Chụp hợp kim thường cần nhựa |
| 36 | 16.107 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Chụp hợp kim thường cần sứ |
| 37 | 16.108 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Chụp hợp kim Titanium cần sứ |
| 38 | 16.109 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Chụp sứ toàn phần |
| 39 | 16.11 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Chụp kim loại quý cần sứ |
| 40 | 16.111 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Chụp sứ Cercon |

| STT | Mã kỹ thuật theo thông tư 23/2024/TT-BYT | Tên chương | Tên kỹ thuật |
|------------|---|-------------------|--|
| 41 | 16.112 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Cầu nhựa |
| 42 | 16.113 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Cầu hợp kim thường |
| 43 | 16.114 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Cầu kim loại cân nhựa |
| 44 | 16.115 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Cầu kim loại cân sứ |
| 45 | 16.116 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Cầu hợp kim Titanium cân sứ |
| 46 | 16.117 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Cầu kim loại quý cân sứ |
| 47 | 16.118 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Cầu sứ toàn phần |
| 48 | 16.119 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Cầu sứ Cercon |
| 49 | 16.120 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Chốt cùi đúc kim loại |
| 50 | 16.121 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Cùi đúc Titanium |
| 51 | 16.122 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Cùi đúc kim loại quý |
| 52 | 16.123 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Inlay/Onlay kim loại |
| 53 | 16.124 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Inlay/Onlay hợp kim Titanium |
| 54 | 16.125 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Inlay/Onlay kim loại quý |
| 55 | 16.126 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Inlay/Onlay sứ toàn phần |
| 56 | 16.127 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Veneer Composite gián tiếp |
| 57 | 16.128 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Veneer sứ toàn phần |
| 58 | 16.129 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường |
| 59 | 16.130 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường |
| 60 | 16.131 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo |
| 61 | 16.132 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo |

| STT | Mã kỹ thuật theo thông tư 23/2024/TT-BYT | Tên chương | Tên kỹ thuật |
|-----|--|------------------|--|
| 62 | 16.133 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Hàm khung kim loại |
| 63 | 16.134 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Hàm khung Titanium |
| 64 | 16.135 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Máng hở mặt nhai |
| 65 | 16.136 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng |
| 66 | 16.137 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Tháo cầu răng giả |
| 67 | 16.138 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Tháo chụp răng giả |
| 68 | 16.139 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Sửa hàm giả gãy |
| 69 | 16.140 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Thêm răng cho hàm giả tháo lắp |
| 70 | 16.141 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Thêm móc cho hàm giả tháo lắp |
| 71 | 16.142 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Đệm hàm nhựa thường |
| 72 | 16.203 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Nhỏ răng vĩnh viễn |
| 73 | 16.204 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Nhỏ răng vĩnh viễn lung lay |
| 74 | 16.205 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Nhỏ chân răng vĩnh viễn |
| 75 | 16.206 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Nhỏ răng thừa |
| 76 | 16.213 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Cắt lợi xơ cho răng mọc |
| 77 | 16.214 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới |
| 78 | 16.221 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị viêm quanh thân răng cấp |
| 79 | 16.222 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp |
| 80 | 16.223 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp |
| 81 | 16.224 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp |
| 82 | 16.225 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant |

| STT | Mã kỹ thuật theo thông tư 23/2024/TT-BYT | Tên chương | Tên kỹ thuật |
|------------|---|-------------------|---|
| 83 | 16.226 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement |
| 84 | 16.228 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt |
| 85 | 16.230 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục |
| 86 | 16.231 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Lấy tủy buồng răng sữa |
| 87 | 16.232 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị tủy răng sữa |
| 88 | 16.233 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit |
| 89 | 16.234 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị đóng cuống răng bằng MTA |
| 90 | 16.236 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement |
| 91 | 16.237 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn |
| 92 | 16.238 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Nhổ răng sữa |
| 93 | 16.239 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Nhổ chân răng sữa |
| 94 | 16.240 | 16. RĂNG HÀM MẶT | Trích áp xe lợi trẻ em |

Tổng số: 94 kỹ thuật